

Bản án số: 191/2025/HN-ST
Ngày: 11/12/2025
V/v “Xin ly hôn”

thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 24/11/2010 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/4/2014, hiện do anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh K.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Tấn K, cho anh K được ly hôn với chị T.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 24/11/2010 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/4/2014 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Tấn K và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89/2011, quyển số 01/2011 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn K có đơn xin không tiến hành các phiên hòa giải; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2] Về nội dung:

Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn anh K trình bày theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải là có xảy ra, anh K cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, anh chị không còn sống chung với nhau, không quan tâm gì đến nhau hơn 10 năm nay nhưng anh chị không khắc phục để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng. Tòa án nhiều lần mời chị T đến hòa giải đoàn tụ nhưng chị không đến, điều này thể hiện chị T không còn thiết tha gì đến tình cảm, hạnh phúc vợ chồng, hiện anh chị đã ly thân nhau, trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh K là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Anh K yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 24/11/2010 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/4/2014. Xét yêu cầu nuôi con của anh K là có cơ sở bởi lẽ, hai cháu Tấn P, Bảo N đang sống với anh K đã ổn định về tâm lý, chỗ ở và phù hợp với nguyện vọng hai cháu mong muốn được sống với cha nên cần tiếp tục giao cho anh K nuôi dưỡng hai cháu là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: *Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tấn K.*

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Tấn K được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 24/11/2010 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/4/2014 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh K khai không có.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Nguyễn Tấn K chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0003222 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, anh K đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh K, chị T kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Nông xã;
- UBND xã Mỹ An, Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình